

Phụ lục I
CHỈ TIÊU VÀ ĐỊA BÀN TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG NỘI TRÚ NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên trường	Địa bàn tuyển sinh	Chỉ tiêu tuyển sinh													Nhóm xét tuyển
			Tổng số				Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	
1	Trường PTNT Tiểu học và THCS Bình Liêu	Xã Bình Liêu	Số học sinh	Nội trú	661	268			70	20	19	70	23	33	33	1
				Bán trú		393	63	67	60	32	32	56	33	25	25	2
			Số lớp		24	7		4	2	2	3	2	2	2		
2	Trường PTNT Tiểu học và THCS Đồng Tâm	Xã Lục Hồn	Số học sinh	Nội trú	766	181				30	22	22	35	37	35	1
				Bán trú		585	80	80	77	71	50	67	52	50	58	2
			Số lớp		27	4	4	4	3	3	2	2	2	3		
3	Trường PTDT Tiểu học và THCS Hoàn Mô	Xã Hoàn Mô	Số học sinh	Nội trú	1.189	402		9	10	82	99	43	50	57	52	1
				Bán trú		787	197	194	176	61	81	34	12	17	15	2
			Số lớp		57	13	13	12	5	6	2	2	2	2		
4	Trường PTNT Tiểu học và THCS Quảng Sơn	Xã Đường Hoa	Số học sinh	Nội trú	971	169						56	38	38	37	1
				Bán trú		802	115	114	111	116	103	49	61	65	68	2
			Số lớp		51	9	8	8	7	7	3	3	3	3		
5	Trường PTNT Tiểu học và THCS Quảng Đức	Các xã: Quảng Đức, Hải Sơn	Số học sinh	Nội trú	875	116						35	37	22	22	1
				Bán trú		759	92	101	109	100	120	48	45	74	70	2
			Số lớp		30	3	4	4	3	4	3	3	3	3		
Tổng cộng:			Số học sinh	Nội trú	4.462	1.136		9	80	132	140	226	183	187	179	
				Bán trú		3.326	547	556	533	380	386	254	203	231	236	
			Số lớp		189	36	29	32	20	22	13	12	12	13		

Phụ lục II
CHỈ TIÊU VÀ ĐỊA BÀN TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG
PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh)

I. TUYỂN SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

TT	Tên trường	Địa bàn tuyển sinh (Xã, phường, đặc khu nơi đăng ký thường trú của đối tượng tuyển sinh)	Chỉ tiêu tuyển sinh		Nhóm xét tuyển
			Số lớp	Số học sinh	
1	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh		03	95	
	Cơ sở Hạ Long	Các xã, phường: Quảng La, Thống Nhất, Lương Minh, Kỳ Thượng, Hoàn Bồ, Bình Khê	01	35	1
	Cơ sở Tiên Yên	- Các xã: Diên Xá, Hải Hòa, Hải Lạng, Đông Ngũ, Tiên Yên, Quảng Tân, Quảng Hà, Hải Sơn; - Đặc khu Vân Đồn	02	60	2
2	Trường Phổ thông dân tộc nội trú THCS Ba Chẽ	Các xã: Ba Chẽ, Lương Minh, Kỳ Thượng	03	105	1
Tổng cộng:			06	200	

II. TUYỂN SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS và THPT tỉnh Quảng Ninh)

TT	Địa bàn tuyển sinh (Xã, phường, đặc khu nơi đăng ký thường trú của đối tượng tuyển sinh)	Tổng chỉ tiêu tuyển sinh	Cơ sở Hạ Long		Cơ sở Tiên Yên	
			Chỉ tiêu tuyển sinh	Nhóm xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh	Nhóm xét tuyển
1	Đặc khu Vân Đồn	11	11	1		
2	Phường Bình Khê	04	04	2		
3	Phường Hoành Bồ	05	05	3		
4	Xã Ba Chẽ	18	09	4	09	21
5	Xã Bình Liêu	21	11	5	10	22
6	Xã Điền Xá	05	02	6	03	23
7	Xã Đông Ngũ	09	03	7	06	24
8	Xã Đường Hoa	07	05	8	02	25
9	Xã Hải Hòa	03	03	9		
10	Xã Hải Lạng	07	03	10	04	26
11	Xã Hải Sơn	03			03	27
12	Xã Hoành Mô	07	04	11	03	28
13	Xã Kỳ Thượng	06	03	12	03	29
14	Xã Lục Hồn	10	05	13	05	30
15	Xã Lương Minh	05	03	14	02	31
16	Xã Quảng Đức	06	02	15	04	32
17	Xã Quảng Hà	10	06	16	04	33
18	Xã Quảng La	09	09	17		
19	Xã Quảng Tân	14	09	18	05	34
20	Xã Tiên Yên	10	03	19	07	35
21	Xã Thống Nhất	05	05	20		
Tổng cộng:		Số học sinh	175	105	70	
		Số lớp	05	03	02	

Phụ lục III:
CHỈ TIÊU, ĐỊA BÀN TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên trường	Địa bàn tuyển sinh (Xã/phường/đặc khu nơi đăng ký thường trú của đối tượng tuyển sinh hoặc xã/phường/đặc khu nơi đặt trụ sở của cơ sở giáo dục mà đối tượng tuyển sinh đang học lớp 9)	Chỉ tiêu tuyển sinh		Phân bổ chỉ tiêu học sinh	Nhóm xét tuyển
			Lớp	Học sinh		
1	THPT Hòn Gai	Tiếng Pháp: Toàn tỉnh	1	630	45	1
		Tiếng Anh: Các phường: Hạ Long, Hồng Gai, Cao Xanh, Hà Lâm	13		585	2
2	THPT Bãi Cháy	Các phường: Bãi Cháy, Tuần Châu, Việt Hưng	13	585	585	1
3	THPT Vũ Văn Hiếu	Khu phố Hà Phong 3 phường Hà Tu	8	360	15	1
		Các phường: Hà Tu (trừ Khu phố Hà Phong 3), Hà Lâm, Hạ Long			345	2
4	THPT Ngô Quyền	Các phường: Cao Xanh, Hà Lâm, Hồng Gai, Thống Nhất	9	405	405	1
5	THPT Hoành Bồ	Các xã, phường: Hoành Bồ, Thống Nhất, Lương Minh, Kỳ Thượng	10	450	280	1
		Phường Việt Hưng			170	2
6	THCS và THPT Quảng La	Các xã, phường: Quảng La, Hoành Bồ, Lương Minh	3	135	135	1
7	THPT Mông Dương	- Các thôn, khu phố thuộc phường Mông Dương: Đồng Tiến, Đoàn Kết, Tân Hải, Thác Bạc, Khe Sím, Khu phố 4, Khu phố 9, Khu phố 10, Khu phố 13	6	270	125	1
		- Xã Hải Hòa			145	2
		Phường Mông Dương (trừ các thôn, khu thuộc NXT1)				
8	THPT Cửa Ông	- Các khu phố thuộc phường Cửa Ông: Cẩm Phú 2B, Cẩm Phú 8A, Cẩm Phú 8B, Cẩm Thịnh 1, Cẩm Thịnh 2, Cẩm Thịnh 7B	12	540	120	1
		- Xã Hải Hòa			420	2
		Các phường: Cửa Ông (trừ các khu thuộc NXT1), Mông Dương				

TT	Tên trường	Địa bàn tuyển sinh (Xã/phường/đặc khu nơi đăng ký thường trú của đối tượng tuyển sinh hoặc xã/phường/đặc khu nơi đặt trụ sở của cơ sở giáo dục mà đối tượng tuyển sinh đang học lớp 9)	Chỉ tiêu tuyển sinh		Phân bổ chỉ tiêu học sinh	Nhóm xét tuyển
			Lớp	Học sinh		
9	THPT Cẩm Phả	Các phường: Cẩm Phả, Quang Hanh, Cửa Ông	14	630	630	1
10	THPT Lê Quý Đôn	- Khu phố 7A phường Quang Hanh	07	315	30	1
		- Các thôn thuộc phường Mông Dương: Đồng Tiến, Đoàn Kết, Tân Hải, Thác Bạc, Khe Sím			285	2
		Phường Quang Hanh (trừ khu phố 7A)				
11	THPT Trần Phú	<i>Tiếng Anh:</i> Các xã: Hải Sơn, Vĩnh Thục	8	540	45	1
		<i>Tiếng Anh:</i> Các phường: Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3			315	2
		<i>Tiếng Trung Quốc:</i> Các phường, xã: Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3, Hải Sơn, Hải Ninh, Vĩnh Thục	4		180	3
12	THPT Lý Thường Kiệt	<i>Tiếng Anh:</i> Các phường, xã: Hải Ninh, Hải Sơn, Móng Cái 3	5	270	225	1
		<i>Tiếng Trung Quốc:</i> Các phường, xã: Móng Cái 1, Móng Cái 2, Móng Cái 3, Hải Sơn, Hải Ninh, Vĩnh Thục	1		45	3
13	THPT Hoàng Văn Thụ	- Các khu phố thuộc phường Yên Tử: Tân Lập 2, Cửa Ngăn, Khe Sú 1, Khe Sú 2, Năm Mẫu 1, Năm Mẫu 2, Miếu Bồng, Tập Đoàn, Đồng Chanh, Quan Điền - Khe Thần	07	315	85	1
		- Các khu phố thuộc phường Vàng Danh: Vàng Danh 7, Vàng Danh 9, Miếu Thán - Đồng Bồng				
		Các phường: Vàng Danh (trừ các Khu thuộc NXT1), Yên Tử (trừ các Khu thuộc NXT1)			230	2
14	THPT Uông Bí	Các phường: Uông Bí, Yên Tử, Vàng Danh	13	585	585	1
15	THPT Lê Chân	Phường Bình Khê	8	360	56	1
		Các phường: Đông Triều, An Sinh			304	2

TT	Tên trường	Địa bàn tuyển sinh (Xã/phường/đặc khu nơi đăng ký thường trú của đối tượng tuyển sinh hoặc xã/phường/đặc khu nơi đặt trụ sở của cơ sở giáo dục mà đối tượng tuyển sinh đang học lớp 9)	Chỉ tiêu tuyển sinh		Phân bổ chỉ tiêu học sinh	Nhóm xét tuyển
			Lớp	Học sinh		
16	THPT Đông Triều	Phường Bình Khê	10	450	115	1
		Các phường: Đông Triều, An Sinh, Mạo Khê			335	2
17	THPT Hoàng Quốc Việt	Phường Bình Khê	10	450	20	1
		Phường Mạo Khê			430	2
18	THPT Hoàng Hoa Thám	Các phường: Mạo Khê, Hoàng Quế	7	315	315	1
19	THPT Đông Thành	Các phường: Đông Mai, Hiệp Hòa, Vàng Danh, Tuần Châu	7	315	315	1
20	THPT Minh Hà	Các phường: Phong Cốc, Liên Hòa	10	450	450	1
21	THPT Bạch Đằng	Các phường: Hiệp Hòa, Quảng Yên, Hà An	11	495	495	1
22	THCS và THPT Quan Lạn	Các thôn thuộc Đặc khu Vân Đồn: Thái Hoà, Đông Nam, Bắc, Đoài, Tân Phong, Sơn Hào, Tân Lập, Yên Hải (đảo Quan Lạn); Quang Trung, Tiền Hải, Nam Hải (đảo Minh Châu); Bình Minh, Ngọc Nam, Bình Hải (đảo Ngọc Vũng); Thi Đua, Quyết Thắng, Cống Tây, Cống Đông (đảo Thắng Lợi); Nà Sẩn, Diên Xá, Đông Lĩnh (đảo Bản Sen)	3	128	128	1
23	THPT Hải Đảo	Đặc khu Vân Đồn (trừ các thôn là địa bàn tuyển sinh của Trường THCS và THPT Quan Lạn)	11	495	495	1
24	THCS và THPT Tiên Yên	Các xã: Hải Lạng, Diên Xá, Tiên Yên, Đông Ngũ	7	315	315	1
25	THCS và THPT Hải Đông	Xã Đông Ngũ	4	180	180	1
26	THPT Ba Chẽ	Các xã: Ba Chẽ, Lương Minh, Kỳ Thượng	6	270	270	1

TT	Tên trường	Địa bàn tuyển sinh (Xã/phường/đặc khu nơi đăng ký thường trú của đối tượng tuyển sinh hoặc xã/phường/đặc khu nơi đặt trụ sở của cơ sở giáo dục mà đối tượng tuyển sinh đang học lớp 9)	Chỉ tiêu tuyển sinh		Phân bổ chỉ tiêu học sinh	Nhóm xét tuyển
			Lớp	Học sinh		
27	THPT Bình Liêu	Các xã: Bình Liêu, Lục Hồn	6	270	270	1
28	THCS và THPT Hoành Mô	Các xã: Hoành Mô, Lục Hồn, Bình Liêu	3	135	135	1
29	THPT Đầm Hà	- Các thôn thuộc xã Đầm Hà: Làng Y, Nhâm Cao, Làng Ruộng, Tân Hà, Bình Nguyên, Tân Trung, Tân Tiến, Tân Thành, Tân Lương, Cái Gia, Bình Hải, Hà Lai, Lập Tân, Tân Mai, Tân Hợp	9	405	260	1
		- Xã Quảng Tân				
		Xã Đầm Hà (trừ các thôn thuộc NXT1)			145	2
30	THPT Quảng Hà	Các xã: Quảng Hà, Quảng Đức, Cái Chiên	10	450	450	1
31	THCS và THPT Đường Hoa Cương	Các xã: Đường Hoa, Quảng Hà	4	180	180	1
32	THPT Cô Tô	Đặc khu Cô Tô	3	102	102	1
33	THPT Chuyên Hạ Long	Các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	12	420	420	
		Tổng cộng:	261	12.215	12.215	

Phụ lục IV
CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG TƯ THỰC NĂM HỌC 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của UBND tỉnh)

TT	Tên trường	Chỉ tiêu tuyển sinh	
		Số lớp	Số học sinh
1	TH, THCS và THPT Nguyễn Bình Khiêm	13	585
2	THPT Hạ Long	07	290
3	TH, THCS và THPT Lê Thánh Tông	12	540
4	TH, THCS&THPT Văn Lang	07	300
5	TH, THCS&THPT Đoàn Thị Điểm	08	320
6	TH, THCS&THPT Quốc Tế Singapore	01	15
7	TH, THCS&THPT Học viện Anh quốc UK	03	100
8	THPT Thống Nhất (Có 135 chỉ tiêu được hưởng chế độ hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND)	05	225
9	THPT Hùng Vương	10	450
10	THPT Lương Thế Vinh	15	675
11	THCS và THPT Chu Văn An	10	450
12	TH, THCS&THPT Marie Curie	05	225
13	THPT Nguyễn Tất Thành	07	315
14	THPT Hồng Đức	09	405
15	THPT Nguyễn Bình	08	360
16	THPT Trần Nhân Tông	10	420
17	TH, THCS&THPT Trần Hưng Đạo	03	135
18	TH, THCS&THPT Yên Hưng	10	400
19	THPT Ngô Gia Tự	06	240
20	THPT Trần Quốc Tuấn	05	200
21	THPT Nguyễn Trãi	08	360
22	THPT Nguyễn Du	05	225
	Tổng cộng:	167	7.235